

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật liệu điện tử-quang điện tử

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Dương Ngọc Huyền

2. Ngày tháng năm sinh: 21/05/1958; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Bắc Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 5B, dãy 66, Tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nhà 12, ngõ 134, Lê Thanh Nghị, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912153128;

E-mail: huyen.duongngoc@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1979 đến tháng, năm 11,1999: Giảng viên Đại học tại Trường Đại học Vinh

Từ tháng, năm 12,1999 đến tháng, năm 12,2021: Giảng viên Đại học tại Viện Vật lý Kỹ thuật, ĐHBK Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên Đại học; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng Viện Vật lý Kỹ thuật, ĐHBK Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Vật lý Kỹ thuật, ĐHBK Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: C9, 101, số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3869 3350

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 03 năm 1995, số văn bằng: 1279, ngành: Vật liệu quang điện tử, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện quang điện tử; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Ehime, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS [5] ngày 24 tháng 03 năm 1998, số văn bằng: 60, ngành: Vật liệu quang điện tử, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện quang-điện tử; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Ehime, Nhật bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 26 tháng 12 năm 2007, ngành: Vật lý

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng II: Vật lý, Luyện kim, Hóa học)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Vật liệu nano các bon, polyme dẫn và dẫn xuất.
- Vật liệu nano TiO₂ và ứng dụng quang xúc tác.
- Vật liệu và Công nghệ pin mặt trời

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 4 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 94 bài báo khoa học, trong đó 23 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2009
2	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2010
3	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2012
4	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2014

5	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2015
6	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2019
7	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường ĐHBK Hà Nội	2021
8	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012
9	Bằng khen của Bộ trưởng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011
10	Bằng khen của Bộ trưởng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Năm 1979, sau khi tốt nghiệp Đại học ngành Sư phạm Vật lý, tôi được giữ lại để làm giảng viên của trường ĐHSP Vinh. Năm 1992, tôi được BGD và ĐT gửi sang Nhật Bản làm NCS và nhận bằng tiến sỹ năm 1998. Từ năm 1999 đến nay tôi là giảng viên của Viện Vật lý Kỹ thuật, ĐHBK Hà Nội. Với vị trí là một giảng viên trong trường đại học, tôi nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình vì vậy đã luôn cố gắng để hoàn thành tốt các nhiệm vụ là giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đồng thời cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Trong suốt hơn 40 năm làm việc, tôi tự nhận thấy mình đã tự giác học hỏi, trau dồi phương pháp làm việc cũng như luôn cập nhật, bổ sung cho bản thân những kiến thức mới trong nước cũng như trên thế giới. Ngoài ra, tôi cũng đã không ngừng phấn đấu để hoàn thiện bản thân mình hơn về tư tưởng đạo đức để đáp ứng được tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo nói chung và của người giảng viên đại học nói riêng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 42 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-16	2			2	389	112	357/501/216
2	2016-17	1		1		384	40	300/424/216
3	2017-18	1			3	490	40	438/530/216
03 năm học cuối								
4	2018-19	1			3	499	60	392/559/270
5	2019-20	1			6	515	60	409/575/270
6	2020-21	1			5	625	60	483/685/200- 350

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nhật

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật bản năm 1998

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đức Thiện	X		X		05/2010 đến 05/2014	Đại học Bách khoa Hà Nội	15/05/2015
2	Nguyễn Trọng Tùng	X		X		10/2011 đến 10/2015	Đại học Bách Khoa Hà Nội	05/06/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							

1	Carbon Nanotubes Synthesis, Characterization, Applications	CK	INTECH EUROPE, năm 2011	1	MM	(Chương 22. Carbon Nanotubes and Semiconducting Polymer Nanocomposites (tr 469-485))	Web of Science's Book Citation Index DOI: 10.5772/21461 (trích dẫn sách: 121), trích dẫn chương 8.
2	Pin mặt trời: Nguyên lý và ứng dụng	GT	Nhà XB bách khoa, năm 2021	3	CB	(Hiệu đính lại, biên soạn chính chương 1, 2 (13-93) và chương 7 (208-213); tham gia biên soạn chương 3, 4, 5 (93-190))	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 2 ([1] [2])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu và thiết bị điện huỳnh quang cho màn hiển thị phẳng	CN	B2001-28-26, cấp Bộ	01/01/2001 đến 31/12/2002	9/7/2003, tốt

2	Sensor nhạy khí trên nền vật liệu polymer bán dẫn Polyaniline và Polypyrrole	CN	B2004-28-126, cấp Bộ	01/01/2004 đến 31/12/2005	26/5/2006, xuất sắc
Sau khi được công nhận PGS/TS					
3	Ảnh hưởng của tương tác bề mặt lên tính chất của composit polyme bán dẫn /CNTs	CN	Nafosted 103.02.103.09, cấp Nhà nước	01/12/2009 đến 30/11/2011	Quyết định công nhận kết quả đánh giá đề tài NCCB trong KHTN ngày 24/9/2012, đạt.
4	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng sử dụng điốt phát quang (LED) và nguồn cấp điện pin mặt trời	CN	KC05-07/11-15, cấp Nhà nước	01/01/2012 đến 30/06/2014	Nghiệm thu ngày 24/1/2015, khá
5	Vật liệu nanocomposite biến đổi và tích trữ năng lượng trên cơ sở vật liệu polyme dẫn	CN	Nafosted 103.02-2012.32, cấp Nhà nước	01/02/2013 đến 31/10/2016	Quyết định công nhận kết quả đánh giá đề tài NCCB trong KHTN ngày 15/10/2018, đạt.

6	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc chất điện li đến đặc trưng của pin mặt trời cấu trúc Schottky đảo: FTO/chất điện li/chấm lượng tử PbS/Au-Ag	TK	Nafosted 103.99-2016.32, cấp Nhà nước	01/01/2016 đến 31/12/2018	Nghiệm thu ngày 23/11/2019, đạt.
7	Nghiên cứu phát triển ứng dụng đặc tính hấp thụ và phản xạ sóng điện từ của vật liệu polyme dẫn trên nền poly-aniline (PANi) và dẫn xuất	CN	B2007-01-110, cấp Bộ	15/02/2007 đến 15/02/2009	Nghiệm thu ngày 6/1/2009, tốt
8	Nghiên cứu tổng hợp màng polyme bán dẫn loại n và p trên nền ITO và ứng dụng cho CN điện tử	CN	B2009-01-270, cấp Bộ	27/04/2009 đến 27/04/2011	Nghiệm thu ngày 16/9/2011, tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Electroluminescence and Crystal Structure in ZnS:Mn,Cu and ZnS:Cu,Br Phosphors	3	Có	Memoirs of the Faculty of Engineering, Ehime Univ, Japan	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		17, 71-79	02/1998
2	Blue-Emitting ZnS:Cu Powder EL Device : Preparation and Characterization of Phosphor	3	Không	ITE Technical Report (The Journal of Institute of Image Information and Television Engineers)	x - Scopus		23, 61, 7-12	10/1999
3	White-Emitting Powder Electroluminescence Devices based on ZnS:Mn,Cu	3	Có	Proceedings of the Fourth International Display Workshops IDW97, Nagoya, Japan	x - Scopus IF: 0.06		4, Php2-6, 689-692	11/1997

4	Transient Thermo- luminescence of Quenched ZnS:Cu Powder Phosphors	3	Không	Proceedings of the Seventh International Display Workshops IDW00, Kobe, Japan	x - Scopus IF: 0.06		Vol.7 893-896	11/2000
5	Effect of Cu Co-Dopants in Blue- Green Emitting CaSrS:Ce,Cu Electroluminescent Powder Phosphors	3	Có	Proceeding of the Fourth Vietnamese- Germany Seminar on Physics and Engineering, Dresden, Germany			62-65	06/2001
6	Gas Sensing Materials based on Carbon Nanotube	2	Có	Proceeding of the Second Vietnam- Korea International Joint Symposium, Hà Nội			64-68	11/2001
7	Effect of Temperature on NH ₃ Gas Sensing Characteristics of Carbon Nanotube Layer	2	Có	Proceedings of the Seventh Vietnam- Germany Seminar on Physics and Engineering, Halong			72-75	03/2004

8	Volatile Organic Compounds Sensors based on SnO ₂ -Polypyrrole Nanocomposites	3	Không	Proceedings of the Seventh Vietnam-Germany Seminar on Physics and Engineering, Halong			305-308	03/2004
9	NH ₃ Gas Sensing Characteristics of Carbon Nanotube-Polypyrrole Composite Layer	4	Có	Proceedings of the Ninth Asia Pacific Physics Conference (9th APPC), Hanoi			363-365	09/2005
10	Research on Semiconductor Nano Materials at Hanoi University of Technology	5	Không	Proceedings of the Second International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology (IWONN'04), Hanoi			15-24	10/2004
11	Effect of Chemical and Thermal Purification on NH ₃ Gas Sensing Characteristics of Carbon Nanotube	3	Có	Proceedings of the Second International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology (IWONN'04), Hanoi			233-236	10/2004

12	Effect of Chemical Purification on Gas Sensing Characteristics of Carbon Nanotube	4	Có	Proceedings of the Third Korea-Vietnam International Joint Symposium, Dajon, Korea			53-58	03/2005
13	Gas Sensing Materials Based on Chemically Purified Single Wall Carbon Nanotubes	3	Có	Proceedings of 12th ASEAN Regional Symposium on Chemical Engineering – RSCE 2005, New Trends in Technology towards Sustainable Development, Hanoi			Vol. 4, 25-29	11/2005
14	Electrochemically Synthesized Polyaniline for Gas Sensing Materials	3	Có	Proceedings of 12th ASEAN Regional Symposium on Chemical Engineering – RSCE 2005, New Trends in Technology towards Sustainable Development, Hanoi			Vol. 4, 30-34	11/2005

15	Effect of Annealing Treatment on the Characteristics of Single-walled Carbon Nanotube-based Gas Sensors	3	Không	Proceedings of 12th ASEAN Regional Symposium on Chemical Engineering – RSCE 2005, New Trends in Technology towards Sustainable Development			Vol. 4,, 39-42	11/2005
16	Chemically Polymerized Polypyrrole for Gas Sensor	3	Không	Proceedings of 12th ASEAN Regional Symposium on Chemical Engineering – RSCE 2005, New Trends in Technology towards Sustainable Development, Hanoi			Vol. 4, 110-113	11/2005
17	Effect of Acid-stiring Treatment on the Characteristics of Single-wall Carbon Nanotube-based Gas Sensors	4	Không	Proceedings of the 1st International Workshop on Functional Materials and The 3rd International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology, Halong			137-138	11/2006

18	Gas Sensing Characteristics of Polyaniline-Single Wall Carbon Nanotube Composites	2	Có	Proceedings of the 1st International Workshop on Functional Materials and The 3rd International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology, Halong			141-143	11/2006
19	Correlation between Infrared Fluorescent band of Polyaniline and Degree of Oxidation	2	Có	Proceedings of the 1st International Workshop on Functional Materials and The 3rd International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology, Halong			527-529	11/2006
20	Effect of Concentration of Cu Dopant on Cubic-hexagonal Transition in ZnS:Cu	2	Có	Proceedings of the 1st International Workshop on Functional Materials and The 3rd International Workshop on Nanophysics and Nanotechnology, Halong			635-637	11/2006

21	Effect of Chemical Treatment on Gas Adsorption and Dessorption in Single Wall Carbon Nanotube	3	Có	Frontier of Basic Science towards New Physics Earth and Space Science, Hanoi September 2006, Osaka Univesity Press, Japan			231-232	01/2006
22	Ảnh hưởng của chế độ nguội nhanh lên đặc tính điện huỳnh quang của ZnS:Cu	1	Có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học lần thứ 19, Đại học Bách khoa Hà nội, 2001			43-46	10/2001
23	Đặc tính nhạy khí NH ₃ và NO của màng tạo bởi ống nano các bon	2	Có	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ 4, Núi cốc, 2003			62-66	11/2003
24	Tính chất nhạy khí CO của Vật liệu Nano SnO ₂ Tổng hợp bằng phương pháp sol-gel	4	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ 4, Núi cốc, 2003			327-331	11/2003
25	Vật liệu ống nano các bon và khả năng ứng dụng cho vật liệu nhạy khí	2	Có	Kỷ yếu Hội nghị ứng dụng Vật lý toàn quốc lần thứ 2, Hồ Chí Minh, 12-2004			191-194	11/2004

26	Tính chất nhạy khí của vật liệu Polyaniline bán dẫn tổng hợp bằng phương pháp điện hóa	4	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ VI, Hà nội, 2005			744-747	06/2006
27	Ảnh hưởng của hàm lượng APS và DBSA đến tính chất nhạy khí của màng polypyrrole	5	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ VI, Hà Nội, 2005			783- 786	06/2006
28	Ảnh hưởng của tốc độ polyme hóa lên tính chất nhạy khí của polypyrrole và polyaniline	4	Có	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ VI, Hà nội, 2005			1245- 1248	06/2006
29	Single-wall Carbon Nanotubes based Gas Sensors for Ammonia Detection under Effects of Operating Temperature	2	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý toàn quốc lần thứ VI, Hà nội, 2005			223- 228	06/2006

30	FTIR Spectral and Morphological Study on Polyaniline- Single Wall Carbon Nanotube Composites	2	Có	Proceedings of the 20th scientific conference, Hanoi University of Technology, 2006			229-232	10/2006
31	Vật liệu nhạy khí trên cơ sở ống nano các bon	2	Có	Kỷ yếu Hội nghị “Khoa học-Công nghệ Nano và ứng dụng trong Quân sự”, 2006			59-64	10/2006
Sau khi được công nhận PGS/TS								
32	Gas Sensing Characteristics of Polyaniline- Single Wall Carbon Nanotube Composites,	2	Có	Journal of Korean Physical Society	x - SCI IF: 0.54	14	Vol. 52, (5)	05/2008
33	Effect of Acid Pretreatment on the Sensitivity of Gas Sensors Based on Single- Walled Carbon Nanotube Bundles	3	Không	Journal of Korean Physical Society	x - SCI IF: 0.54	6	Vol. 52, (5), 1359- 1363	05/2008

34	Synthesis, properties and application of polyindole/TiO ₂ nanocomposites,	2	Không	Journal of Physics: Conference Series	x - Scopus <i>IF: 0.55</i>	28	Vol. 187, (1), 012058	09/2009
35	In situ Chemically Polymerised Polyaniline Nanolayer: Characterisation and Sensing Materials	3	Có	Journal of Experimetal Nanoscience	x - ISI <i>IF: 2.73</i>	6	Vol.4, (3), 203-212	09/2009
36	Polypyrrole/Al ₂ O ₃ Nanocomposites: Preparation, Characterisation and Electromagnetic Shielding Properties	3	Không	Journal of Experimetal Nanoscience	x - ISI <i>IF: 2.73</i>	33	Vol.4, (3), 213-219	09/2009
37	Effect of TiO ₂ on the Gas Sensing Features of TiO ₂ /PANi Nanocomposites	4	Có	Sensors	x - ISI <i>IF: 4.35</i>	109	Vol. 11, (2), 1924-1931	02/2011
38	Synergistic Effects in the Gas Sensitivity of Polypyrrole/Single Wall Carbon Nanotube Composites	4	Có	Sensors	x - ISI <i>IF: 4.35</i>	71	Vol.12, (6), 7965-7974	06/2012

39	Comparative Study of Room Temperature Ferromagnetism in Undoped and Ni-doped TiO ₂ Nanowires Synthesized by Solvothermal Method	2	Không	Journal of Materials Science: Materials in Electronics	x - ISI IF: 2.38	23	Vol. 24, (2), 793-798	02/2013
40	Enhancement of NH ₃ Gas Sensitivity at Room Temperature by Carbon Nanotube-Based Sensor Coated with Co Nanoparticles	5	Không	Sensors	x - ISI IF: 4.35	103	Vol. 13, (2), 1754-1762	02/2013
41	Effect of HCl on the Formation of TiO ₂ Nanocrystallites	2	Có	Journal of Nanomaterials	x - ISI IF: 2.44	4	Vol. 2016 Article ID 6547271	12/2016
42	Effect of TiO ₂ Rutile Additive on Electrical Properties of PPy/TiO ₂ Nanocomposite	2	Có	Journal of Nanomaterials	x - ISI IF: 2.44	3	Vol. 2016, Article ID 4283696.	03/2016

43	Simultaneous Synthesis of Anatase Colloidal and Multiple- branched Rutile TiO ₂ Nanostructures: Simultaneous Anatase and Rutile Synthesis	3	Có	Bulletin of the Korean Chemical Society	x - Scopus IF: 0.83		Vol. 38, (3), 401-405	03/2017
44	Surface Polarity Controls the Optical Properties of One-pot Synthesized Silicon Quantum- dots	3	Không	Chemical Physics	x - ISI IF: 2.26	1	Vol. 518 107- 111	02/2019
45	Post- decorated Surface Fluorophores Enhance the Photoluminescence of Carbon Quantum- dots	5	Không	Chemical Physics	x IF: 2.26	8	Vol. 527 110503	11/2019

46	Boosting the Current Density in Inverted Schottky PbS Quantum-dot Solar Cells with Conjugated Electrolyte	3	Không	Materials Letters	x - ISI IF: 3.36	5	Vol. 249 37-40	08/2019
47	A Comparasion of Photocatalytic Activity Between FeS2, Ni-Doped FeS2 Nanoparticles and Un-Doped FeS2/rGO Composite	9	Không	Journal of Electronic Materials	x - ISI IF: 1.83	2	Vol. 49, (11), 6474-6482	11/2020
48	Effect of pH on the Formation of Amorphous TiO2 Complexes and TiO2 Anatase during the Pyrolysis of an Aqueous TiCl4 Solution	3	Có	Catalysts	x - ISI IF: 3.63		Vol. 10, (10), 1187	10/2020

49	Effect of Chloride Treatment on Optical and Electrical Properties of PbS Quantum-dots	3	Không	Chemical Physics	x - ISI <i>IF: 2.26</i>		Vol.538 110895	10/2020
50	Nanostructured Poly (3-Octyl Thiophene) Films Prepared by Electrophoretic Deposition	6	Không	Journal of Science of HNUE			Vol.53, (1), 92-96	02/2008
51	In-situ Chemically Polymerized Polyaniline Nanolayer: Morphological and Sensing Materials	2	Có	Advances in Natural Science, .			Vol. 10, (2), 193-198	02/2009
52	Polypyrrole Coated Single-wall Carbon Nanotubes: Synthesis, Characterization and Gas Sensing Properties	5	Có	Advances in Natural Sciences			Vol. 10, (1), 59-64	02/2009

53	Nanocomposites based on Polyaniline, poly(o-toluidine) and TiO ₂ Preparation and Properties	4	Không	Journal of Science of HNUE			Vol. 54, (1), 69-77	02/2009
54	Effect of pH on Crystalline Structure of TiO ₂ Nanoparticles Prepared by Hydrolysis Method	3	Không	Journal of Science and Technology			Vol. 50, (1B), 466-471	02/2012
55	Synthesis and Characterization of TiO ₂ Nanowire on Transparent Conducting oxid Substrate by Solvothermal Method for DSSC Application	5	Không	Journal of Science and Technology			Vol.50, (1B), 498-503	02/2012

56	Ảnh hưởng của bức xạ tử ngoại trong quá trình tổng hợp polyaniline: hình thái học và tính chất nhạy khí	3	Không	Tạp chí KH và CN (Đại học Đà Nẵng)			Vol.10, (71), 153-159	10/2013
57	Nghiên cứu chế tạo màng mỏng Cu ₂ SnS ₃ làm lớp hấp thụ trong pin mặt trời hiệu suất cao	10	Không	Tạp chí khoa học và Công nghệ			Vol 52, (3B), 203-208	09/2014
58	Nghiên cứu chế tạo màng mỏng Cu ₂ SnS _{7/8} định hướng ứng dụng trong pin mặt trời	7	Không	Tạp chí khoa học và Công nghệ			Vol 52, (3B), 219-224	09/2014
59	Physical Properties of Sn _{1-x} Cu _x S (x = 0.0, 0.05, 0.10 and 0.15) Films	8	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			Vol 52, (3C), 453-459	09/2014

60	Nghiên cứu chế tạo và khảo sát đặc tính vật liệu nanocomposite trên nền polymer dẫn polypyrrole	4	Không	Tạp chí khoa học và Công nghệ			Vol 52, (3C), 543-550	09/2014
61	Curing Treatment of Ethylene Vinyl Acetate Used for Solar Module	5	Có	Journal of Science of HNUE			Vol.59, (9), 51-58	12/2014
62	Preparation of TiO ₂ Nanocrystals in Anatase and Rutile Phase,	2	Không	Journal of Science of HNUE			Vol. 60, (9), 14-20	12/2015
63	Nghiên cứu đặc tính dẫn nhiệt của vật liệu nanocomposite trên nền polypyrrole và TiO ₂	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ (ĐH Công nghiệp Hà Nội)			Số 35 38-42	12/2015

64	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình chế tạo modul và giải pháp nâng cao hiệu quả hệ thống điện mặt trời Si.	5	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt nam (Vietnam Journal of Science and Technology11), 2015, 26-30			Vol. 3, (11), 26-30	04/2015
65	Effect of TiO2 Anatase Nanocrystallite on Electrical Properties of PPy/TiO2 Nanocomposite	3	Có	Communications in Physics			Vol. 28, (1), 87-96	03/2018
66	Low- Temperature ZnO Thin Film and Its Application in PbS Quantum Dot Solar Cells	8	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology			Vol. 3, (4), 116- 122	09/2018
67	Ảnh hưởng của độ dày lớp chấm lượng tử PbS đến hiệu suất của pin mặt trời cấu trúc Schottky đảo	5	Không	Tạp chí Hóa học			Vol.56, (6E1), 72-75	10/2018

68	Polypyrrole Coated Single Wall Carbon Nanotubes: Synthesis, Characterization and Gas Sensing Properties	5	Có	Proceeding of IWNA 2007, .			93-95	11/2007
69	Polypyrrole/Al ₂ O ₃ Nanocomposites: Preparation, Characterization and Electromagnetic Shielding Properties	6	Không	Proceeding of IWNA 2007			437-440	11/2007
70	In-situ Chemically Polymerized Polyaniline Nanolayer: Characterization and Sensing Materials	2	Có	Proceeding of IWNA 2007, 15-17, Nov., Vũngtau, Vietnam			519-522	11/2007
71	Formation and Characterization of in-situ Chemically Polymerized PANi and PPy Nano Thinfilm	3	Có	Proceedings of the Eleventh Vietnam-Germany Seminar on Physics and Engineering 2008			189-192.	03/2008

72	Polyaniline/Montmorillonite Nanocomposite for Electromagnetic Shielding Purpose	7	Không	Proceedings of the Eleventh Vietnam-Germany Seminar on Physics and Engineering, Nhatrang, 2008			206-210	03/2008
73	Effect of SWNTs on Gas Sensing Characteristics of PPy and PANi/SWNTs Composites	4	Có	Proceedings of the 5th Korea-Vietnam International Joint Symposium 2008, Sokcho, Korea			53-58	11/2008
74	In-situ Chemically Polymerized PANi-SWNTs Composites: Characterizations and Gas Sensing Feature	1	Có	Springer Proceedings in Physics: Physics and Engineering of New Materials	x <i>IF</i> : 0.25	2	Vol. 127 279-286	06/2009
75	Room Temperature Ferromagnetism of Undoped and Codoped TiO ₂ - δ Nanobelts Grown by Metalorganic Chemical Vapodeposition	3	Không	Proceeding of IWNA2009, Vungtau, November 12-14, 2009			160-164.	11/2009

76	Polypyrrole/Fe ₃ O ₄ Nanocomposites Preparation, Properties and Electromagnetic Property	3	Có	Proceeding of IWNA2009, Vũng tàu, November 12-14, 2009			221-224	11/2009
77	Effect of SWNTs Dopants on Gas Sensing Characteristics of PPy and PANi/SWNTs Composites	4	Có	Proceeding of IWNA2009, Vũng tàu, November 12-14, 2009			428-431	11/2009
78	Electrical and Thermal Conductivity Characterization of Nanocomposite PPy/TiO ₂	3	Không	Advanced Materials and Nanotechnology ICAMN 2014, Hanoi			167-170	10/2014
79	The Efficiency Reaches a Plateau in Inverted Schottky Quantum Dot Solar Cells	3	Không	International Conference on Engineering Research and Applications, Springer, Cham, 2018	x - Scopus		566-671	12/2018

80	Photocatalytic Properties of Nanostructures and Nanocomposites based on Anatase TiO ₂ synthesis by Thermolysis	3	Có	Proceedings of IWNA 2019, 6-9 Nov. 2019, Phanthiet, Vietnam			277-280	11/2019
81	Solvothermal Synthesis of Undoped and Ni-Doped FeS ₂ Nanoparticles and Ít Composite with Graphene Oxide for Photocatalysis Application	6	Không	Proceedings of IWNA 2019, 6-9 Nov. 2019, Phanthiet, Vietnam			487-490	11/2019
82	Vật liệu hấp thụ sóng điện từ trên cơ sở composite của vật liệu polyme dẫn	3	Có	Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc, Vũng Tàu, 11-2007			484-48	11/2007

83	Đặc trưng cấu trúc và tính chất nhay khí của màng polyaniline tổng hợp bằng phương pháp hoá học	2	Có	Tuyển tập các báo cáo Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc, Vũng Tàu 11-2007			487-490	11/2007
84	Synthesis of Highly Photoconductive CdS Thinfilms by Chemical Bath Deposition Steath Radome Applications	4	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc, Đà Nẵng 11/2009 (SPMS 2009)			363-367	11/2009
85	Growth and Visible-light Photocatalytic Activity of Single-Crystalline TiO ₂ Nanowires,	4	Không	Hội nghị VLCR toàn quốc, Đà Nẵng 11/2009 (SPMS 2009)			919-922	11/2009
86	ZnS:Cu Nanoparticles Produced by Mechanical Grin Technique	3	Không	Hội nghị Quang học và Quang phổ Advances in Optics, Spectroscopy & Application VI, 11/2011			544-547	11/2011

87	Tổng hợp màng vật liệu lai polypyrrole -TiO ₂ ứng dụng trong cảm biến khí.	4	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 8 (SPMS2013), Thái nguyên 4-6/11/2013			231-235	11/2013
88	Nghiên cứu mô phỏng cấu trúc pin mặt trời ZnO/CdS/Sn1- xCu _x S/Mo	8	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 8 (SPMS2013), Thái nguyên 11/2013			260- 264	11/2013
89	Ảnh hưởng của lớp tiếp giáp p-n trong vật liệu composite polyaniline- Titandioxit (PANi-TiO ₂) dung để chế tạo màng nhảy khí NH ₃	4	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 8 (SPMS2013), Thái nguyên 4-6/11/2013			417- 420	11/2013
90	Sự ảnh hưởng lẫn nhau trong composite polyaniline- ống các bon nano đơn lớp: hình thái học, cấu hình điện tử, khả năng nhảy khí	4	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 8 (SPMS2013), Thái nguyên 4-6/11/2013			427- 431	11/2013

91	Tổng hợp tinh thể nano anatase và rutile	2	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 9 (SPMS2015), Hồ Chí Minh 11/2015			443-446	11/2015
92	Ảnh hưởng của tia tử ngoại lên đặc tính vật liệu nanocomposite PPy/TiO2	3	Không	Hội nghị Vật lý chất rắn toàn quốc lần thứ 9 (SPMS 2015), Hồ Chí Minh 11/2015			447- 450	11/2015
93	Thiết kế chế tạo hệ thiết bị đo một số thông số kỹ thuật của hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời	6	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý kỹ thuật và Ứng dụng lần thứ IV: Advances in Applied and Engineering Physics IV, 2016			460- 464	10/2016
94	Ảnh hưởng của xử lý nhiệt lên tính chất quang xúc tác của vật liệu nano TiO2	4	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc – SPMS 2019, Quy Nhơn 11/2019			306- 309	11/2019

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U.V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 9 ([32] [35] [37] [38] [41] [42] [43] [48] [74])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------------	---------------	---------------------------	---	---	-------------------	-----------------------------

Không có

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Chương trình đào tạo Thạc sỹ theo học chế tín chỉ của Viện Vật lý kỹ thuật	Tham gia	Quyết định 764/QĐ-ĐHBK-SĐH của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 13/3/2009	ĐHBK Hà Nội	QĐ1495/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 15/4/2015 của hiệu trưởng trường ĐHBK Hà Nội	xây dựng và biên soạn chương trình đào tạo của Thạc sỹ Vật lý theo hướng đổi mới và phù hợp với học chế tín chỉ.
2	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo Tiến sỹ của Viện Vật lý kỹ thuật	Tham gia	Quyết định 754/QĐ-ĐHBK-SĐH của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 22/1/2010	ĐHBK Hà Nội quyết định, Viện Vật lý kỹ thuật đưa vào sử dụng	QĐ 3446/QĐ-ĐHBK-SĐH ngày 4/9/2014 của hiệu trưởng trường ĐHBK Hà Nội	Xây dựng và biên soạn chương trình đào tạo Tiến sỹ của các chuyên ngành của Viện Vật lý kỹ thuật

3	Hội đồng Khoa học liên ngành Vật lý, Toán học, Công nghệ thông tin, Điện, Điện tử Viễn thông	Tham gia	Quyết định 330/QĐ-ĐHBK-KHCN của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 15/2/2012	ĐHBK Hà Nội	Các đề tài, dự án, chương trình KHCN của trường ĐHBK Hà Nội đã được thông qua và phê duyệt.	Hội đồng đánh giá tư vấn cho các nhiệm vụ KHCN của trường ĐHBK Hà Nội.
4	Hội đồng Khoa học liên ngành Vật lý-Vật liệu	Tham gia	Quyết định 142/QĐ-ĐHBK-KHCN của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 9/6/2016	ĐHBK Hà Nội	Các nhiệm vụ KHCN được thông qua và thực hiện	Đánh giá, tư vấn về nội dung của các nhiệm vụ KHCN có liên quan.

5	Hội đồng phát triển chương trình đào tạo 2017 ngành Vật lý Kỹ thuật	Tham gia	Quyết định 930/QĐ-ĐHBK-TCCB của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 5/5/2017; Quyết định 130/QĐ-ĐHBK-TCCB của Hiệu trưởng ĐHBK ký ngày 20/8/2020 về việc điều chỉnh thành viên HĐ	ĐHBK Hà Nội quyết định, Viện Vật lý kỹ thuật đưa vào sử dụng	QĐ 111/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 10/7/2020 của HT ĐHBK Hà Nội Phê duyệt và ban hành bộ chương trình Đào tạo tích hợp Cử nhân Thạc sỹ, Chương trình đào tạo Cử nhân, Cử nhân-Thạc sỹ, Kỹ sư VLKT theo hướng đổi mới và phù hợp với học chế tín chỉ.	xây dựng và biên soạn chương trình đào tạo cử nhân-Thạc sỹ, Kỹ sư VLKT theo hướng đổi mới và phù hợp với học chế tín chỉ.
---	---	----------	--	--	---	--

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: x

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: x

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)